

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2022

V/v: Ly hôn,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Lê Thị Lan Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Đức- Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị La- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Khả C, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

HKTT: Thôn A, xã Q, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 01, khu T, thị trấn H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị H- sinh năm 1966. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các buổi hòa giải làm việc với Tòa án, nguyên đơn anh Lê Khả C trình bày: Anh C và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau do gia đình hai bên giới thiệu, tổ chức đăng ký tại UBND xã Q ngày 08/10/2020. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị T từ Lạng Sơn về nhà anh C chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị T quê ở nơi khác không quen cách sống của anh C và gia đình, không giúp đỡ được gì cho anh C vì anh C bị bệnh mà tỏ ra chán nản, cáu gắt, đến giữa năm vừa rồi thì xin phép về nhà để sống ly thân cho đến nay. Nay anh C xác định sống với chị T không có hạnh phúc nên cũng không tìm đón và quyết định ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng mới kết hôn và thực tế cũng chẳng có quan hệ sinh lý nên không có con. Tòa án không phải giải quyết.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do sức khỏe yếu và tình hình dịch bệnh nên đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải, xét xử sớm và xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T có lời khai với Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ ngày 13/12/2021, như sau: Việc xác lập quan hệ vợ chồng như anh C trình bày trên là đúng. Còn về mâu thuẫn vợ chồng là không có, chủ yếu mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Vợ chồng đã ly thân từ đầu tháng 10/2021 đến nay, hiện chị đang sống với bố mẹ đẻ tại tổ 1, khu T, thị trấn H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, vợ chồng không quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau nữa nên nay anh C có yêu cầu ly hôn, chị T nhất trí ly hôn với anh Lê Khả C.

Về con chung, về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Khi chị về nhà để sống ly thân vẫn để lại nhà anh C đồ đạc, tư trang nên yêu cầu anh C và gia đình phải trả lại cho chị.

Do điều kiện đi lại xa xôi và tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chị T xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án.

Người làm chứng bà Phạm Thị H (mẹ đẻ anh C, mẹ chồng chị T) trình bày: Anh C và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã Q và hai bên gia đình tổ chức cưới. Sau ngày cưới chị T về nhà anh C sống chung với gia đình bà tại thôn A, xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng anh C chị T không tìm được tiếng nói chung, đầu tháng 10/2021 chị T xin phép về nhà đẻ tại Lạng Sơn sống ly thân anh C đến nay. Việc chung sống hay ly hôn là quyền của anh C và chị T. Vợ chồng anh C chị T chưa có con, không có tài sản vay nợ riêng.

Về tài sản riêng của chị T khi chị T về nhà để có để lại đồ đạc tư trang quần áo. Anh C cùng gia đình đã gửi trả và chị T đã nhận lại đầy đủ theo biên bản giao nhận ngày 22/12/2021.

Tại phiên tòa: Anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm như nội dung đã nêu ở trên.

Chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Khả C ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về quan hệ con chung, công sức, tài sản, vay nợ chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc anh Lê Khả C chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn chị Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Q, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương nhưng hiện đã về sống tại tỉnh Lạng Sơn nhưng đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Khả C và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã Q ngày 08/10/2020, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh C và chị T thấy rằng: Vợ chồng anh C và chị T sống với nhau nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ khi ly thân đến nay anh C cũng không tìm đón chị T về đoàn tụ, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh C cương quyết ly hôn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và thực tế đã sống ly thân nhau nên đồng ý ly hôn với anh C. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Khả C ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Anh Lê Khả C và chị Nguyễn Thị T không có con chung nên không phải giải quyết.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Anh Lê Khả C và chị Nguyễn Thị T xác định không có nên không phải giải quyết.

[6] Về tài sản riêng của chị T: Gia đình anh C đã trả lại chị T đầy đủ theo biên bản giao nhận ngày 22/12/2021 nên không phải giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Khả C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Khả C ly hôn chị Nguyễn Thị T.
2. Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Khả C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu số AA/2020/0003543 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, anh C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Quốc Tuấn (q/l hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách